

Tổng quan một số nghiên cứu về người Chăm Islam ở Việt Nam

Lê Trần Quyên^(*)

Tóm tắt: Bài viết tổng quan một số nghiên cứu về người Chăm Islam ở Việt Nam. Có thể thấy, các lĩnh vực trong đời sống của người Chăm Islam như sự du nhập Islam giáo, lịch sử hình thành và phát triển, kinh tế, văn hóa, xã hội, các mối quan hệ trong xã hội tộc người, ... đã được nhiều công trình nghiên cứu. Tuy nhiên, vẫn còn thiếu vắng các nghiên cứu chuyên sâu về những biến đổi trong đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội và quan hệ tộc người liên, xuyên biên giới giữa người Chăm Islam ở Việt Nam với các nước trong khu vực cũng như quốc tế.

Từ khóa: Hồi giáo, Người Chăm Islam, Người Chăm

Abstract: The article summarizes some studies on Muslim Chăm ethnic people in Vietnam. It can be seen that while several areas in the life of Muslim Chăm people such as the introduction of Islam, history of formation and development, economy, culture, society, relationships in ethnic society, etc., have been studied, there is a dearth of in-depth studies on the changes in economic, cultural and social life, as well as the inter- and cross-border ethnic relations between Cham Islam in Vietnam and those in other countries in the region and worldwide.

Keywords: Islam, Muslim Chăm people, Chăm Ethnic People

Ngày nhận bài: 09/8/2024; Ngày duyệt đăng: 15/9/2024

1. Mở đầu

Người Chăm là một trong 53 tộc người thiểu số tại Việt Nam, có bề dày lịch sử và một di sản văn hóa phong phú, góp phần làm nên sự đa dạng của bức tranh toàn cảnh bản sắc văn hóa Việt. Người Chăm và nền văn hóa Chăm đã thu hút sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài nước.

Thời gian gần đây, đã có nhiều nghiên cứu về người Chăm Islam và đã đạt được không ít thành tựu. Bài viết tập trung tổng

quan một số công trình nghiên cứu về người Chăm Islam ở Việt Nam trên các khía cạnh: sự du nhập của Islam giáo, lịch sử hình thành và phát triển; đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội; mối quan hệ của cộng đồng Chăm Islam ở Việt Nam với Hồi giáo quốc tế. Qua đó, bài viết chỉ ra những khoảng trống nghiên cứu nhằm góp phần định hướng cho các nghiên cứu tiếp theo về người Chăm Islam thời gian tới.

2. Về lịch sử du nhập của Islam giáo vào người Chăm ở Việt Nam

Theo Nguyễn Văn Luận (1974: 30-37), Islam giáo du nhập vào cộng đồng người Chăm từ khá sớm. Phan Văn Dốp

^(*) ThS., Viện Dân tộc học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam; Email: letranquyendth@gmail.com

(1993) dẫn lại công trình của P. Ravaisse (1992) về các tấm bia được tìm thấy ở Nam Trung bộ có niên đại vào năm 1039 và giai đoạn 1025-1035 cho thấy sự hiện diện của Islam giáo ở vùng Phan Rí ngày nay. Vì vậy có khả năng thế kỷ XI-XII là thời điểm Islam giáo du nhập vào cộng đồng Chăm Trung bộ.

Riêng với bộ phận Chăm Islam ở Tây Nam bộ, họ tiếp thu Islam giáo muộn hơn, khoảng thế kỷ XVI-XVIII khi chuyển cư từ Trung bộ sang Campuchia trước khi theo sông Cửu Long về Việt Nam (Phan An, 2007: 520).

Có nhiều cách giải thích khác nhau về sự du nhập của Islam giáo vào người Chăm. Theo Đoàn Minh Huân, Võ Trọng Hải (2014: 157), khoảng thế kỷ X trở đi, vương quốc Champa phát triển khá mạnh về hàng hải nên đã có sự giao lưu thương mại và văn hóa với người Indonesia và Malaysia (là những quốc gia mà Islam giáo đã được truyền bá rộng). Do chiến tranh liên miên và thất bại, vương quốc Champa dần suy yếu, niềm tin vào đạo Hindu dần giảm sút nên Islam giáo đã bám rễ được vào một bộ phận người Chăm.

Theo Phú Văn Hãn (2015b), con đường du nhập của Islam giáo vào người Chăm rất quanh co. Từ miền Trung Việt Nam di chuyển vào phía Nam, người Chăm vì thời cuộc đã phải thực hiện hành trình dài qua đất Chân Lạp, đến tỉnh An Giang rồi ngược lên Sài Gòn. Đức tin của đạo Islam ở người Chăm được tiếp nạp ảnh hưởng mới của tôn giáo qua những tiếp xúc với những người đồng đạo thuộc các dân tộc khác trên con đường di chuyển. Đến Sài Gòn, Nam Bộ, cộng đồng Chăm gặp được những tộc người có những tương đồng về văn hóa như người Ấn, người Afghanistan; người gốc Melayu ở Malaysia và Indonesia (Phú Văn Hãn, 2015b: 336).

Có thể thấy, có hai luồng quan điểm về sự du nhập của Islam giáo vào người Chăm. Các nghiên cứu của E. Aymonier (1890), G. Maspero (1928: 3), Ravaisse (1922: 247-249), Bá Trung Phụ (2007),... cho rằng, Islam giáo du nhập vào Champa từ khoảng thế kỷ X-XIII, thông qua các hoạt động giao thương và buôn bán với các thương nhân Islam giáo Trung Đông đến từ Ả Rập hay Ba Tư. Trong khi các nghiên cứu của P-Y. Manguin (1979), B.P. Lafont (2011: 81-82), Po Dharma (2012: 68)... khẳng định Islam giáo có mặt ở đây muộn hơn, khoảng thế kỷ XV-XVII, thông qua hoạt động buôn bán với các tiểu quốc hải đảo trong khu vực như Mã Lai, Java.

Những quan điểm khác nhau về sự du nhập của Islam giáo vào cộng đồng người Chăm là chủ đề vẫn còn phải thảo luận, nhất là thời điểm du nhập. Trong bài viết này, chúng tôi tổng quan lại hai quan điểm về sự du nhập của Islam giáo vào người Chăm, đồng thời cung cấp thêm những nguồn tư liệu mới, nhất là tư liệu dân tộc học để giúp người đọc có thêm thông tin về nguồn gốc và thời điểm du nhập của Islam giáo ở Champa.

Trong quá trình nghiên cứu tài liệu, chúng tôi nhận thấy, nhóm các nhà nghiên cứu ủng hộ giả thuyết thứ nhất gồm Ed. Huber, P. Ravaisse, G. Maspero... Trước hết, theo Aymonier (1890: 153), từ khoảng thế kỷ IX-X, đã có một bộ phận đông đảo người Islam giáo xuất hiện ở Champa, sau này do các biến cố lịch sử mà người Chăm Islam lần lượt di cư sang Campuchia, Xiêm (Thái Lan)... Có thể những nhận định này bắt nguồn từ sự xuất hiện của một nhân vật trong *Biên niên sử Chăm* mà Aymonier (1891: 26) đã dành nhiều thời gian nghiên cứu, đó là Po Awloah (tức Allah - Thượng đế của Islam giáo), vị vua mở đầu danh

sách các vị vua của người Chăm, trị vì Champa trong thế kỷ XI.

Như vậy, theo quan điểm thứ nhất thì từ thế kỷ X-XIII Islam giáo đã bắt đầu du nhập vào Champa, và đó là kết quả của cuộc tiếp xúc với các thương thuyền buôn bán của người Ả Rập từ Trung Đông. Nhưng theo Đồng Thành Danh (2016), những cứ liệu đó rất tản mạn, không có nhiều căn cứ và chưa cho thấy trong thời kỳ này đã hình thành một cộng đồng Islam giáo bản địa ở Champa.

Ngược lại, giả thuyết thứ hai của P.Y. Manguin (1979), Po Dharma (2012) và P-B. Lafont (2011) cho rằng Islam giáo du nhập chính thức vào người Chăm từ thế kỷ XVI. Trong thực tế, cho đến tận thế kỷ XIII, các vua, chúa, quý tộc Champa vẫn tôn sùng Hindu giáo và thờ thần Shiva, hầu hết các bia ký Champa đều thể hiện điều đó. Cho dù từ sau thế kỷ XIII niềm tin vào Hindu giáo đang trên đà suy thoái, nhưng sự suy thoái của Hindu giáo ở Champa không có nghĩa là Islam giáo đã du nhập vào Champa. Đến thế kỷ XV, người ta không tìm được thêm bằng chứng nào cho thấy ở Champa đã có người theo Islam giáo, ngoài chi tiết về một cuộc hôn nhân giữa vua Champa Sinhavarman III (Chế Mân) với một công chúa đến từ Mã Lai là Bia Tapasi vào thế kỷ XIII (Maspero, 1928: 189; Lafont, 2011: 171-172). Tuy nhiên, chi tiết này không chứng minh người Champa (nhất là hoàng tộc) theo Islam giáo, mà chỉ cho thấy lúc này Champa đã bắt đầu thiết lập mối bang giao thân thiện với các tiểu quốc Mã Lai.

Đến nay, vẫn còn nhiều ý kiến khác nhau về thời điểm và nguồn gốc du nhập của Islam giáo vào cộng đồng người Chăm. Các ý kiến cho rằng Islam giáo du nhập vào Champa từ Trung Đông từ khoảng thế kỷ X-XII ngày càng tỏ ra thiếu thuyết phục. Những nghiên cứu cho rằng Islam

giáo và cộng đồng người Champa khoảng thế kỷ XV-XVII cũng chưa thực sự được công nhận.

3. Về đời sống kinh tế của người Chăm Islam ở Việt Nam

Theo Muhammad Akram Khan (1994: 29-33), đối với Islam giáo, nền tảng cơ bản của kinh tế học Islam là các kinh sách, đặc biệt là Kinh Qur'an, trong đó quy định, định hướng những hành vi kinh tế của con người. Đó là những điều bất khả xâm phạm của các vấn đề kinh tế đối với cộng đồng Islam giáo. Kinh tế học Islam giáo mang đến một cách tiếp cận mới cho các vấn đề kinh tế của con người.

Cộng đồng người Chăm Islam có mặt ở Việt Nam từ khoảng thế kỷ thứ X. Dọc theo sông Hậu với công cuộc khẩn hoang vùng đất An Giang của cư dân Nam Bộ thế kỷ XIX, người Chăm Islam đã có mặt ở đây (Võ Công Nguyên, 2017: 238). Đến cuối thế kỷ XIX, quá trình giao thương ở vùng Nam Bộ với bên ngoài ngày càng phát triển, đã tạo điều kiện cho người Malaysia và Indonesia nhập cư vào vùng đất này, dần hình thành cộng đồng cư dân ngoại lai theo Islam giáo ở Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh An Giang, tỉnh Tây Ninh... Tuy nhiên, theo Phú Văn Hãn (2001), cộng đồng Chăm Islam được hình thành và phát triển ở Việt Nam từ buổi đầu có liên quan đến Vương quốc Chăm-pa cổ. Trong quá trình phát triển, người Chăm Islam có sự giao thoa, hội nhập với các tộc người khác ở trong nước và quốc tế, tạo ra những nét văn hóa đặc sắc riêng của cộng đồng này và có nhiều điểm tương đồng với văn hóa dân tộc Việt Nam (Phú Văn Hãn, 2001: 45-50). Hiện nay, cộng đồng người Chăm Islam ở Nam Bộ định cư tại 13 tỉnh, thành phố (Theo: Trần Thị Minh Thu, 2020). Trải qua quá trình phát triển, cộng đồng người Chăm Islam đã mở rộng địa vực cư trú sang

các vùng đất mới, góp phần phát triển kinh tế địa phương nơi họ đến.

Người Chăm Islam ở Tây Nam bộ tự gọi mình là cư dân “thương hồ hạ bạc”, có nghĩa là những cư dân buôn bán và làm nghề chài lưới (Đoàn Việt, 2012: 57).

Số lượng người Chăm ở Việt Nam qua biên giới Việt Nam - Campuchia làm ăn chiếm tỷ lệ cao trong số những người đi làm ăn xa. Công việc chính của họ ở Campuchia là đánh bắt thủy sản trên sông, buôn bán nhỏ và canh tác nông nghiệp (Đoàn Việt, 2012: 58).

Theo Phan Văn Dốp, Nguyễn Thị Nhung (2006), từ sau năm 1975 đến nay, hệ thống kinh tế nói chung và việc đi làm ăn xa của người Chăm Islam miền Tây Nam Bộ có những biến đổi rõ rệt. Một số hộ gia đình người Chăm tiếp cận và chuyển đổi sang sản xuất nông nghiệp, đất sản xuất chủ yếu được thuê mượn lại của người Việt trong vùng và người Khmer ở Campuchia. Nghề dệt thổ cẩm truyền thống mất hẳn do sản phẩm không có đầu ra, không cạnh tranh được với các sản phẩm công nghiệp. Bên cạnh đó, do nguồn tài nguyên trên sông dần cạn kiệt nên đa phần ngư dân tìm kiếm khu vực đánh bắt mới, chủ yếu là ở bên kia biên giới Việt Nam - Campuchia cho tới sát vùng Biển Hồ.

Trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường hiện nay, sức lao động được giải phóng và trở thành hàng hóa, người dân nông thôn nói chung và người Chăm Islam ở tỉnh An Giang nói riêng đang nỗ lực vận động, tìm kiếm các cơ hội phát triển bên ngoài xã hội truyền thống. Kinh tế truyền thống của người Chăm Islam ở tỉnh An Giang là các nghề thủ công truyền thống và khai thác thủy sản đầu nguồn sông Mekong, đoạn chảy vào Việt Nam. Do vậy, việc buôn bán và chài lưới nay đây mai đó không phải là điều xa lạ. Tuy nhiên, trong

bối cảnh xã hội mới, khi các phương thức sản xuất truyền thống không còn phù hợp, hiện tượng đi làm ăn xa ngày càng phát triển (Đoàn Việt, 2017: 48).

Đối với người Chăm ở tỉnh An Giang, tuy đã sống xa biển, nhưng họ vẫn còn gắn bó thường xuyên với sông nước ở đồng bằng châu thổ sông Cửu Long (Mah Mod, 1981: 30-36). Nghề đánh cá cũng như hoạt động buôn bán nhỏ trên sông rạch trong vùng và xuyên biên giới với Campuchia là một trong những nguồn thu nhập quan trọng của người Chăm nơi đây (Võ Công Nguyễn, 2015: 31).

Theo Nguyễn Thị Quế Hương và cộng sự (2023: 4), mặc dù người Chăm Islam có mặt ở Việt Nam đã lâu, tuy nhiên sự đóng góp cho phát triển kinh tế - xã hội có thể nói là chưa nhiều, do phần lớn cộng đồng Chăm Islam sống ở nông thôn nhiều hơn thành thị, công việc chính là nghề nông và nghề tự do, buôn bán nhỏ lẻ, v.v...

Người Chăm đã không ngừng nỗ lực vươn lên trong xây dựng kinh tế nông nghiệp và phi nông nghiệp. Việc buôn bán hàng rong ở người Chăm vẫn còn phổ biến. Nghề dệt *sà rong*, *ka ma* (khăn tắm, khăn rằn), thêu đan... truyền thống vẫn còn duy trì. Một số vùng người Chăm ở tỉnh An Giang đã thành lập các hợp tác xã may thêu (Châu Giang, An Giang) để sản xuất phục vụ nhu cầu về trang phục truyền thống dân tộc Chăm, trao đổi hàng hóa trong vùng. Người Chăm ở Nam Bộ đã từng bước ổn định cuộc sống và kinh tế gia đình ở mức sống ngày một khá hơn (Phú Văn Hãn, 2015a: 111).

Nghiên cứu của Bùi Thị Thúy và cộng sự (2015: 108) cho thấy, người Chăm có nhiều ngành nghề truyền thống lâu đời như: dệt thủ công, buôn bán, đánh bắt thủy sản, chăn nuôi, sản xuất nông nghiệp, ruộng rẫy. Người Chăm ở tỉnh An Giang

được Nhà nước và chính quyền địa phương quan tâm giúp đỡ về nhiều mặt, hỗ trợ vốn, khuyến khích sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi và duy trì nghề dệt thổ cẩm thủ công truyền thống, đầu tư vốn để người Chăm chăn nuôi bò thịt, ổn định cuộc sống.

Việc đi lao động, buôn bán, kinh doanh hay học tập ở nước ngoài cũng là một trong những nguồn thu của nhiều gia đình người Chăm Islam. Theo nghiên cứu của Angie Ngoc Tran (2015: 12-37), nhiều người Chăm đi lao động đã chung nhau gửi tiền về quê để giúp đỡ cha mẹ và anh chị em. Trong nửa đầu năm 2014, lượng kiều hối của Người Chăm ở nước ngoài chuyển về lên tới 11,4 tỷ đồng.

4. Về đời sống văn hóa của người Chăm Islam ở Việt Nam

Người Chăm Islam có đời sống văn hóa phong phú, vừa mang yếu tố Islam giáo, vừa chịu tác động của nhiều yếu tố văn hóa địa phương.

Ngoài những biến đổi có thể nhận thấy rõ về đời sống kinh tế, hiện tượng đi làm ăn xa còn ảnh hưởng và tác động sâu sắc tới bản sắc văn hóa của tộc người Chăm. Những yếu tố văn hóa chịu tác động sâu sắc nhất liên quan chặt chẽ với tôn giáo, cụ thể là việc thực hành các nghi lễ, những kiêng kỵ trong đời sống thường nhật và quá trình giao tiếp xã hội. Rõ ràng khi ở bên ngoài lãnh địa Islam giáo, người Chăm Islam đi làm ăn xa chịu những tác động sâu sắc từ môi trường văn hóa - xã hội. Tuy vậy, họ luôn có ý thức gìn giữ văn hóa truyền thống mà họ mang theo từ quê nhà. Sự thích ứng về văn hóa của những người Chăm Islam đi làm ăn xa song hành với ý thức về cộng đồng Islam giáo quê nhà của họ. Điều đó phản ánh nhận thức văn hóa - xã hội của nhóm người Chăm Islam đi làm ăn xa trong bối cảnh công nghiệp hóa, toàn cầu hóa hiện nay (Đoàn Việt, 2012).

Nghề dệt vải của người Chăm được duy trì và phát triển chủ yếu ở Mỹ Nghiệp (Ninh Thuận) và Phũm Xoài (An Giang). Trong khi đó, người Chăm ở tỉnh An Giang đã tiếp xúc trực tiếp với người Khmer và người Islam giáo nói tiếng Nam Đảo trên đất nước Campuchia trước đây, nên nghề dệt vải của họ sớm chịu ảnh hưởng từ truyền thống kỹ thuật dệt của người Khmer và người Mã Lai (Võ Công Nguyễn, 2015: 29).

Văn hóa Chăm Nam Bộ góp phần tạo nên truyền thống, đặc trưng riêng của vùng đất Nam Bộ. Văn hóa Chăm Nam Bộ được xây dựng trong suốt quá trình người Chăm sinh sống và phát triển ở đây, trở thành các giá trị, các quan niệm, tập quán, truyền thống ăn sâu vào hoạt động của cộng đồng, chi phối tình cảm, nếp suy nghĩ và hành vi của mọi thành viên trong việc theo đuổi và thực hiện các mục đích của cộng đồng dân tộc mình. Văn hóa Chăm Islam có những nét đặc trưng riêng, được cộng đồng Chăm cùng chia sẻ và chấp nhận, đề cao và ứng xử theo các giá trị đó. Người Chăm Islam trong quá trình phát triển cũng đã từng bước dung hòa yếu tố Islam giáo với văn hóa truyền thống Chăm và văn hóa của các cộng đồng tộc người cùng sống trong vùng. Sức mạnh của giáo lý Islam đã làm thay đổi nhiều quan niệm, nếp sống đặc trưng của dân tộc nhưng không hoàn toàn đoạn tuyệt với quá khứ (Phú Văn Hãn, 2015a: 112).

5. Về vấn đề xã hội của người Chăm Islam và mối quan hệ xuyên quốc gia thông qua tôn giáo

Ở cộng đồng người Chăm Islam giáo, mỗi làng có một ban lãnh đạo thánh đường, do các tu sĩ và tín đồ bầu lên. Gia đình theo chế độ phụ hệ, huyết thống theo dòng cha. Theo nghiên cứu của Ngô Văn Doanh (1994), những năm 1990 trở về trước, hôn nhân của người Chăm là hôn nhân đồng tôn giáo, hôn nhân đồng tộc, ngoại hôn dòng họ.

Người ta cho rằng, nếu không kết hôn cùng tôn giáo, con cái sinh ra sẽ không thuần khiết về dòng giống, khi chết không được hóa thân. Do đó, hôn nhân đồng tôn giáo giúp số lượng tín đồ tôn giáo được bảo tồn.

Theo nghiên cứu của Phạm Võ Quỳnh Hạnh (2021), việc di cư quốc tế của người Chăm Islam là khá phổ biến với mục đích đi học Luật Đạo (học Kinh Qur'an), hay xuất khẩu lao động, buôn bán, kết hôn... Ví dụ tại huyện An Phú, tỉnh An Giang, năm 2016 có 58 người đi học Luật Đạo ở nước ngoài; số người đi buôn bán tại nước ngoài là 1.109 trường hợp, chủ yếu là ở Campuchia và Malaysia; số người đi xuất khẩu lao động là 14 trường hợp; số người lấy chồng người nước ngoài là 17 trường hợp, chủ yếu là Campuchia và các nước Ả Rập. Trong tổng số 19.299 người làm ăn xa của huyện An Phú, có 4.039 người Chăm Islam và đã có nhiều đồng bào Chăm Islam di cư đi nơi khác (khoảng 450 hộ với 1.659 người).

Cùng với sự nổi lại mối liên hệ và nhu cầu phát triển kinh tế trong thời đại mới, mối liên hệ giữa các thánh đường, hay mối liên hệ giữa các làng Chăm được hình thành. Từ biên giới Việt Nam tới khu vực Biển Hồ, dọc theo dòng sông Mekong có 6 thánh đường Islam giáo. Các tín đồ Islam giáo ở Việt Nam khi sang làm ăn ở Campuchia được cộng đồng người Chăm ở đây hỗ trợ về các phương diện như thực hành tôn giáo, cư trú, giao thương buôn bán, quan hệ với chính quyền địa phương và chia sẻ thông tin thị trường.

Người Chăm ở Prek Pra¹ mua trâu bò tại Campuchia rồi chuyển đến Sài Gòn bằng đường thủy, bán lại cho các lò thịt. Việc vận chuyển này có thể bằng ghe, thuyền của chính chủ hàng hóa hoặc có thể

do chủ hàng thuê mướn phương tiện. Còn người Chăm ở đồng bằng sông Cửu Long thì đem gạo đến bán ở Campuchia (Phú Văn Hãn, 2015b: 344).

Hiện nay, xu hướng ngày càng nhiều người lựa chọn phương thức đi làm ăn xa, có thu nhập tốt hơn, khiến việc đầu tư cho học vấn ở người Chăm Islam ở tỉnh An Giang được cải thiện rõ rệt. Ngôn ngữ là một trong những yếu tố tác động mạnh tới việc lựa chọn địa bàn đi làm ăn xa của người Chăm. Nguồn tiền từ những người đi làm ăn xa thúc đẩy sự phát triển kinh tế tại quê hương của họ. Bộ mặt nông thôn dần thay đổi, chất lượng cuộc sống được nâng cao. Việc đi làm ăn xa cũng mở rộng mối quan hệ xã hội của người Chăm Islam nói chung ở tỉnh An Giang với các cộng đồng người Chăm Islam ở Campuchia, các cộng đồng và cá nhân khác tộc, khác tôn giáo nơi họ đến. Các mối liên kết, quan hệ xã hội mới dần được hình thành, phát triển, biểu hiện cao nhất là hôn nhân khác tộc, khác tôn giáo, hôn nhân với người nước ngoài. Sự hỗ trợ từ mạng lưới quan hệ này là yếu tố đảm bảo an toàn cho phát triển kinh tế của những người Chăm Islam đi làm ăn xa (Đoàn Việt, 2017: 46).

Có cùng nguồn gốc dân tộc, người Chăm ở Nam Bộ và người Chăm ở Campuchia vẫn thường qua lại với nhau. Bên cạnh quan hệ về tộc người và hôn nhân, họ còn có quan hệ với nhau qua đường buôn bán. Những hoạt động buôn bán giữa cộng đồng Chăm ở Nam Bộ và Chân Lạp rất thường xuyên, mặc dù khoảng cách xa xôi (Phú Văn Hãn, 2015b: 343).

Điều đặc biệt là, nhóm người Chăm từ miền Trung Việt Nam đến Campuchia và một số nước khác trong khu vực đã chuyển sang theo Islam và hiện là tín đồ Islam giáo. Đây là cơ sở tạo nên mối quan hệ lâu đời vừa mang tính họ hàng và đồng tộc láng giềng,

¹ Một ngôi làng cách Phnom Pênh khoảng 10 km.

vừa đồng đạo Islam giữa người Chăm Nam Bộ với các cộng đồng Chăm hay cộng đồng Islam ở Campuchia, Malaysia và nhiều nước theo Islam giáo trong khu vực. Sau năm 1975, một bộ phận không nhỏ người Chăm ở các tỉnh Nam Bộ đã trở thành Chăm kiều ở nhiều nước trên thế giới, nhất là Mỹ, Úc, Malaysia bằng nhiều con đường như di tản, theo diện HO hoặc vượt biên trái phép. Điều đó khiến người Chăm mở rộng quan hệ với người đồng tộc và khác tộc nhưng cùng tôn giáo ở các nước Mỹ, Indonesia, Pháp, Úc, Thái Lan (Vương Xuân Tình và cộng sự, 2016: 102).

Từ Campuchia, một bộ phận người Chăm đến sinh sống ở vùng An Giang và Tây Ninh. Cộng đồng Chăm ở đây vẫn giữ mối quan hệ với các cộng đồng Chăm Islam ở quê cũ. Những mối quan hệ này rất chặt chẽ, được giữ gìn không những vì lý do tín ngưỡng, mà còn vì tình bà con, vì những hoạt động thương mại qua lại (Phú Văn Hãn, 2015b: 343).

Như vậy, qua những đặc điểm về địa bàn cư trú, kinh tế, tôn giáo, về các mối quan hệ tôn giáo của người Chăm Islam nói chung và đặc biệt là người Chăm Islam ở Nam Bộ nói riêng, có thể thấy cộng đồng Chăm Islam có những mối quan hệ gần gũi, đa dạng với các cộng đồng Islam giáo khác ở khu vực Đông Nam Á. Tuy nhiên, do nguyên nhân lịch sử và điều kiện cụ thể ở từng địa phương, mối quan hệ này cũng đậm nhạt khác nhau.

6. Thay lời kết

Tổng quan các nghiên cứu nổi bật gần đây về người Chăm Islam có thể thấy được những nét cơ bản về cộng đồng người Chăm Islam ở Việt Nam, về sự du nhập của Islam giáo trong cộng đồng người Chăm và vai trò của nó trong các lĩnh vực của đời sống xã hội. Các vấn đề về người Chăm Islam được đề cập đến nhiều trong các

công trình nghiên cứu về dân tộc, tôn giáo, văn hóa; trong khi đó lại thiếu vắng các công trình chuyên sâu cũng như chưa đưa ra được những giải pháp thực sự đồng bộ nhằm phát triển cộng đồng người Chăm ở Việt Nam, trong đó có người Chăm Islam.

Những năm gần đây, cũng đã có những nghiên cứu về các lĩnh vực đời sống kinh tế, xã hội, cách thức thực hành nghi lễ của người Chăm Islam ở Việt Nam và một số bài viết về cộng đồng Chăm Islam vùng biên giới, nhưng chỉ dừng lại ở những thông tin có tính miêu thuật và thống kê về số liệu mà chưa thực sự đi sâu vào bản chất của mối quan hệ tôn giáo đang diễn ra ở đây. Tuy nhiên, những công trình này đã giúp định hướng cho các nghiên cứu tiếp theo về cộng đồng Chăm Islam ở Việt Nam và là nguồn tài liệu tham khảo có giá trị cho những nghiên cứu về tộc người này trong thời gian tới □

Tài liệu tham khảo

1. Phan An (2007), “Người Chăm và tôn giáo”, trong: *Kỷ yếu Hội thảo Việt Nam học lần II: Việt Nam trên đường phát triển và hội nhập truyền thống và hiện đại*, Thành phố Hồ Chí Minh, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
2. Angie Ngoc Tran (2015), “Weaving life across borders: The Cham Muslim bigrants traversing Vietnam and Malaysia”, in: *International migration in Southeast Asia - continuities and discontinuities*, Publisher Springer.
3. Aymonier, E. (1890), “Légendes historiques des Chams”, *Excursions et Reconnaissances* XIV-32, pp. 145-206.
4. Aymonier, E. (1891), *Les Tchampa et leurs religions*, Ernest Leroux, Paris.
5. Đồng Thành Danh (2016), “Bàn thêm về việc du nhập Hồi giáo vào Champa”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 3, tr. 80-93.

6. Ngô Văn Doanh (1994), *Văn hóa Cham Pa*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội.
7. Phan Văn Dớp (1993), *Tôn giáo của người Chăm ở Việt Nam*, Luận án Phó tiến sĩ khoa Lịch sử, chuyên ngành Dân tộc học, Viện Khoa học xã hội tại Thành phố Hồ Chí Minh.
8. Phan Văn Dớp, Nguyễn Thị Nhung (2006), *Cộng đồng người Chăm Hồi Giáo ở Nam Bộ trong quan hệ giới và phát triển*, Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội.
9. Phạm Võ Quỳnh Hạnh (2021), “Thực trạng và xu hướng di cư của người Chăm ở An Giang”, *Lý luận chính trị* ngày 24/02/2021, <http://lyluanchinhtri.vn/home/index.php/thuc-tien/item/3426-thuc-trang-va-xu-huong-di-cucua-nguoi-cham-o-an-giang.html>
10. Phú Văn Hãn (2001), “Cộng đồng Islam Việt Nam - sự hình thành, hòa nhập, giao lưu và phát triển”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 1, tr. 45-50.
11. Phú Văn Hãn (2015a), “Bản sắc người Chăm vùng Nam Bộ”, trong: *Bốn mươi năm nghiên cứu văn hóa Chăm*, Nxb. Văn hóa dân tộc, tr. 109-112.
12. Phú Văn Hãn (2015b), “Người Chăm ở Nam Bộ: Quá trình Hội nhập và phát triển”, trong: *Một số vấn đề mới trong quan hệ dân tộc và chính sách dân tộc*, Nxb. Chính trị quốc gia, tr. 333-349.
13. Đoàn Minh Huân, Võ Trọng Hải (2014), *Một số chuyên đề dân tộc và tôn giáo*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
14. Nguyễn Thị Quế Hương (2023), “Đời sống kinh tế của cộng đồng Chăm theo Đạo Hồi (Islam) ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, số 11, tr. 3-13.
15. Lafont, P-B. (2011), *Vương quốc Champa: địa dư - dân cư - lịch sử*, IOC Champa ấn hành, San Jose.
16. Nguyễn Văn Luận (1974), *Người Chăm Hồi giáo miền Tây Nam phần Việt Nam*, Nxb. Bộ Văn hóa - Giáo dục và Thanh niên, Saigon.
17. Manguin, P-Y. (1979), “L’Introduction de l’Islam au Campa”, *BEFEO* (Tập san của Viện Viễn Đông Bác cổ) LXVI, pp. 255-287.
18. Maspero, G. (1928), *Le Royaume de Champa*, Van Oest, Paris.
19. Muhammad Akram Khan (1994), *An introduction to islamic economics*, International Institute of Islamic thought and Institute of Polley Studies, Pakistan.
20. Mah Mod (1981), “Nghề đánh cá của người Chăm Châu Đốc”, *Tạp chí Dân tộc học*, số 4, tr. 30-36.
21. Võ Công Nguyên (2015), “Các loại hình hoạt động kinh tế trong tiến trình lịch sử - xã hội của người Chăm”, trong: *40 năm nghiên cứu văn hóa Chăm*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội, tr. 24-34
22. Võ Công Nguyên (Chủ biên, 2017), *Vùng đất Nam Bộ*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
23. Bá Trung Phụ (2007), “Đạo Bàni của người Chăm ở Việt Nam”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 12, tr. 52-56.
24. Po Dharma (2012), *Vương quốc Champa: Lịch sử 33 năm cuối cùng*, IOC Champa, San Jose.
25. Ravaisse, P. (1922), “Deux inscriptions çoufiques du Campa”, *Journal Asiatique*, XX, pp. 247-289.
26. Trần Thị Minh Thu (2020), *Khái quát về Hồi giáo và Hồi giáo ở Việt Nam*, Ban Tôn giáo Chính phủ, http://btgcp.gov.vn/gioi-thieu-cac-to-chuc-ton-giao-da-duoc-congnhan/Khai_quat_ve_Hoi_giao_va_Hoi_giao_o_Viet_Nam-postDBmZOe4W.html

(xem tiếp trang 42)